

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG THEO GIÁO XÚ CỦA NGƯỜI VIỆT CÔNG GIÁO DI CỨ NĂM 1954 TẠI NAM BỘ

(Nghiên cứu trường hợp Hồ Nai, Đồng Nai và Cái Sản ở Cần Thơ)

Nguyễn Đức Lộc

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Cộng đồng Công giáo di cư năm 1954 tại Nam bộ không chỉ là cộng đồng tôn giáo, mà còn là cộng đồng xã hội, với mối quan hệ tương tác qua lại giữa các cá nhân trong cộng đồng dựa trên tính huyết thống, cùng một địa vực, cùng hoạt động kinh tế, và hoạt động tôn giáo tín ngưỡng trong cộng đồng.

Trong bài viết này, chúng tôi quan tâm đến hai cộng đồng người Việt Công giáo di cư năm 1954 là Hồ Nai và Cái Sản. Đây là những cộng đồng xứ đạo Công giáo được định hình từ hoàn cảnh lịch sử chiến tranh Việt Nam hiện đại. Nó là kết quả của cuộc di cư của hàng trăm ngàn tín đồ Công giáo từ miền Bắc vào miền Nam, ngay sau ngày ký kết hiệp định Genève năm 1954. Vì thế, đặc điểm cấu trúc cộng đồng Công giáo di cư năm 1954 hiện nay tại Nam bộ là sự phản ánh quá trình lịch sử hình thành làng-xã của người Công giáo di cư tại Nam bộ thông qua việc tái thiết lập làng-xã cổ truyền.

Từ trước tới nay đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về giáo hội và lối sống đạo của các tín đồ Công giáo Việt Nam dưới nhiều góc độ khác nhau. Nội dung của các công trình và bài viết thường đề cập đến quá trình hình thành và phát triển của đạo Công giáo, mô tả giáo lý, giáo luật và lễ nghi Công giáo, xu hướng canh tân, nhập thể của Công đồng Vatican II. Trong khi đó, các công trình nghiên cứu được xem xét dưới các chiều kích như: cơ cấu tổ chức cộng đồng theo giáo xứ, người Công giáo di cư năm 1954 tại Nam bộ... vẫn còn ở mức khiêm tốn. Chúng ta chỉ có thể kể tên một số công trình tiêu biểu như: *Công cuộc phát triển cộng đồng tại Hồ Nai*, luận văn tốt nghiệp trường Quốc gia Hành chính (Võ Tự Do, 1974); *Quá trình hình thành và phát triển*

cộng đồng Công giáo người Việt vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, (Trần Hữu Hợp, 2005); *Tìm hiểu đời sống văn hóa cộng đồng người Việt Công giáo tại Hồ Nai – Đồng Nai*, (Nguyễn Đức Lộc, 2007)... và một số bài viết đăng trong các sách, tạp chí chuyên ngành, tham luận hội thảo: "Nghi lễ, chuẩn mực và tính linh hoạt trong đời sống đạo ở vùng Công giáo Hồ Nai – Đồng Nai, in trong sách *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay* (Nguyễn Đức Lộc, 2008); "Cơ cấu tổ chức xã hội – Tôn giáo trong một số Làng Thiên Chúa giáo ở Kim Sơn – Ninh Bình nửa sau thế kỷ XIX đến nửa sau thế kỷ XX", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 2 (303)*, (Nguyễn Phú Lợi, 1999)... Chính vì vậy, việc nghiên cứu dưới khía cạnh "Cơ cấu tổ chức cộng đồng

theo giáo xứ của người Việt Công giáo di cư năm 1954 tại Nam bộ” có thể xem là lanh địa còn bô ngò cần được tiếp tục nghiên cứu, để từ đó có thể hiểu rõ hơn vị trí của người Công giáo trong cộng đồng dân tộc Việt Nam qua quá trình hội nhập văn hóa Kitô giáo vào đời sống văn hóa dân tộc.

Tư liệu chính cho bài viết này là kết quả của quá trình điền dã dân tộc học dài ngày của chúng tôi tại hai địa bàn Hồ Nai ở Đông Nam bộ và Cái Sắn ở Tây Nam bộ. Hai địa bàn này đều là nơi tập trung đông người Công giáo gốc Bắc bộ di cư vào Nam bộ từ năm 1954, sống quần cư theo giáo xứ, có ý thức giữ gìn tập tục của “quê cha, đất tổ”. Chính vì vậy, trong bài viết này chúng tôi chọn hướng nghiên cứu so sánh giữa hai cộng đồng có cùng chung đặc điểm xuất cư từ đồng bằng Bắc bộ nhưng lại định cư ở hai vùng có môi trường cảnh quan sinh thái tương đối khác nhau ở Nam bộ. Chúng tôi cũng lập luận và sẽ chứng minh rằng quá trình hình thành cộng đồng Công giáo di cư năm 1954 tại Nam bộ có thể xem là sự phản ánh quá trình tái lập cấu trúc làng-xã của người Công giáo di cư trên vùng đất mới.

1. SƠ LƯỢC VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH HAI CỘNG ĐỒNG CÔNG GIÁO DI CƯ

Tháng 7 năm 1954, Hiệp định Genève được kí kết. Việt Nam bị chia thành hai miền Nam, Bắc, với hai chế độ chính trị khác nhau. Biên cõi lịch sử này đã dẫn đến một cuộc di cư lớn của giáo dân Công giáo từ miền Bắc vào miền Nam năm 1954. Cuộc di cư này thực sự là

sự lựa chọn đau đớn giữa niềm tin tôn giáo và quê hương, làng mạc.

Tính đến ngày 18 tháng 5 năm 1955 giai đoạn di cư có thể gọi là chấm dứt. Tổng cộng số đồng bào di cư vào Nam bộ đến 30 tháng 6 năm 1955 là 810.000 người, với các phương tiện di chuyển: bằng tàu thủy: 534.761; bằng tàu bay: 213.657 và bằng phương tiện riêng: 61.582, trong đó có 154 người là binh sĩ và gia đình binh sĩ.¹ Theo kết quả tổng kết của Phủ tổng ủy di cư tị nạn tình đến ngày 31 tháng 12 năm 1955 dân số đồng bào di cư tiếp tục tăng lên đến mức 887.861 người. Trong đó, dân số định cư tại Biên Hòa là: 130.280 người. Như vậy đến cuối tháng 12 năm 1955 việc định cư đã tạm ổn với 600.177 đồng bào tị nạn trong số 887.861 người². Về phân loại các trại định cư thì có các trại như: Trại đồng bào thiểu số, trại ngư nghiệp, trại tiểu công nghệ (Hòa Bình,

¹ TT Lưu trữ quốc gia II, Hồ sơ số 4042, Hồ sơ về hoạt động của Phủ Tổng Ủy Di cư tị nạn năm 1955. Hiện nay, trong giới nghiên cứu chưa có sự thống nhất về số lượng người Công giáo di cư cũng như lượng người di cư nói chung. Chính vì vậy, số liệu được trích trong bài viết này có thể xem là một thông số tham khảo, đối chiếu với các nguồn số liệu của các tác giả khác như Bernard Fall, Joseph Buttinger, Trần Tam Tinh...

² Trong số 887.861 người (nghĩa là trừ 125.393 binh sĩ và gia đình họ do bộ quốc phòng đảm nhiệm, còn 762.408 người do Phủ Tổng Ủy phụ trách thì hơn 80% đã được định cư trong các trại chính thức, còn gần 20% là đồng bào đã tự động định cư và còn 734 người tạm trú trong các trại tiếp cư. Sang năm 1956 sẽ kiến toàn dự án trong khuôn khổ kiện toàn định cư.

Thanh Hóa), còn các trại khác phần nhiều là trại nông nghiệp trừ một số ít trại hỗn hợp.

Trong giai đoạn đầu, một bộ khá lớn đến cư trú tại Hồ Nai, nhưng do điều kiện đất đai chật hẹp, đồng thời điều kiện tự nhiên không thích hợp với nghề nông của các nhóm cư dân bắc bộ này. Đến 1956, một lượng lớn giáo dân từ vùng Hồ Nai, Biên Hòa và một vài nơi tại Sài Gòn di chuyển về vùng Dinh điền Cái Sắn, Gia Kiệm để định cư.

Theo mô tả của một số sách báo đương thời và những lời kể của những người dân địa phương trước năm 1954, vùng đất Hồ Nai là vùng đất hoang, cây cối um tùm, khí hậu nóng bức nên nhiều người di cư từ Bắc vào đây do không quen khí hậu nên đã sinh bệnh tật, ốm đau, nhất là trẻ con. Nhiều người nhớ quê hương làng mạc cảnh sống thanh bình ở quê mà ôm con khóc thầm và căm rắng chịu đựng nỗi nhớ của người xa xứ.

Đối với vùng Cái Sắn, theo các vị cao niên, vùng Cái Sắn còn bao gồm cả vùng Sóc Trăng, ngã bảy Phụng Hiệp. Sau 1954, một bộ phận khá đông những người Công giáo miền Bắc di cư vào Nam. Lúc đầu họ định cư ở Sài Gòn, Hồ Nai (Đồng Nai). Đến năm 1956, Ngô Đình Diệm tổ chức cho những người nông dân vốn quen với cuộc sống ruộng đồng, thích làm ruộng đi miền Tây. Người ta lấy kênh Tân Hiệp làm mốc để đặt tên tiếp theo cho các kênh: kênh Tân Hiệp đến kênh A, B, C, D, v.v. Mỗi hộ được nhận khoảng ba ha đất, cây lá để cát nhà. Ruộng được cấp ngay sau nhà, đây chính là tập quán “liền canh liền cù”. Khi đi họ cũng không quên mang theo hành trang văn hóa

truyền thống. Tương tự, tác giả Trần Hữu Hợp có nhắc đến trong luận văn cao học khi nghiên cứu cộng đồng cư dân Cái Sắn cho rằng: thời kỳ trước khi lập dinh điền 1956, dân cư còn thưa thớt, sống thành từng xóm dọc theo liên tỉnh lộ 8 và hai bên bờ kinh Rạch Sỏi - Hậu Giang. Đất trong vùng đa số đã được nông dân khai phá hoặc địa chủ chiếm hữu, phát canh thu tô. Do hệ thống thủy lợi chưa hoàn chỉnh và ảnh hưởng của chiến tranh nên nhiều khu đất bị bỏ hoang. Do đất rộng, người thưa, đồng trũng, nên người dân sạ lúa mùa nổi. Một vài chợ nhỏ đã hình thành dọc theo trục lộ Cái Sắn (Trần Hữu Hợp, 2000)

Nhìn chung, Hồ Nai và Cái Sắn trước khi người Công Giáo di cư từ miền Bắc đến, một phần diện tích bị bỏ hoang, dân cư thưa thớt. Mặc dù đây là vùng đất giàu tiềm năng, nhưng cũng nhiều khó khăn, trở ngại cho công cuộc định cư và sinh sống của con người. Người Công giáo định cư ở dinh điền Cái Sắn, Hồ Nai có chung một xuất phát điểm là giáo dân từ nhiều xứ đạo của các địa phận miền Bắc: Bùi Chu, Phát Diệm, Hải Phòng, Hà Nội, Thái Bình, Thanh Hoá... Họ di cư vào Nam theo sự hướng dẫn của các linh mục. Mỗi linh mục phụ trách một nhóm gia đình, trong nhóm chia ra nhiều tổ gia đình thường là có xuất thân từ cùng một xứ đạo ở miền Bắc. Khi đến vùng đất mới, linh mục bốc thăm chọn vị trí cho các nhóm gia đình. Tổ trưởng bốc thăm chọn vị trí cho tổ. Mỗi gia đình bốc thăm chọn lô đất (riêng ở Cái Sắn do điều kiện đất đai rộng nên mỗi hộ được cấp một lô đất có diện tích 3 hecta). Nhóm trở thành xứ đạo, tổ trở thành

khu đạo. Linh mục hướng dẫn di cư trở thành linh mục chính xứ, coi sóc xứ đạo.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC SINH HOẠT THEO GIÁO XỨ

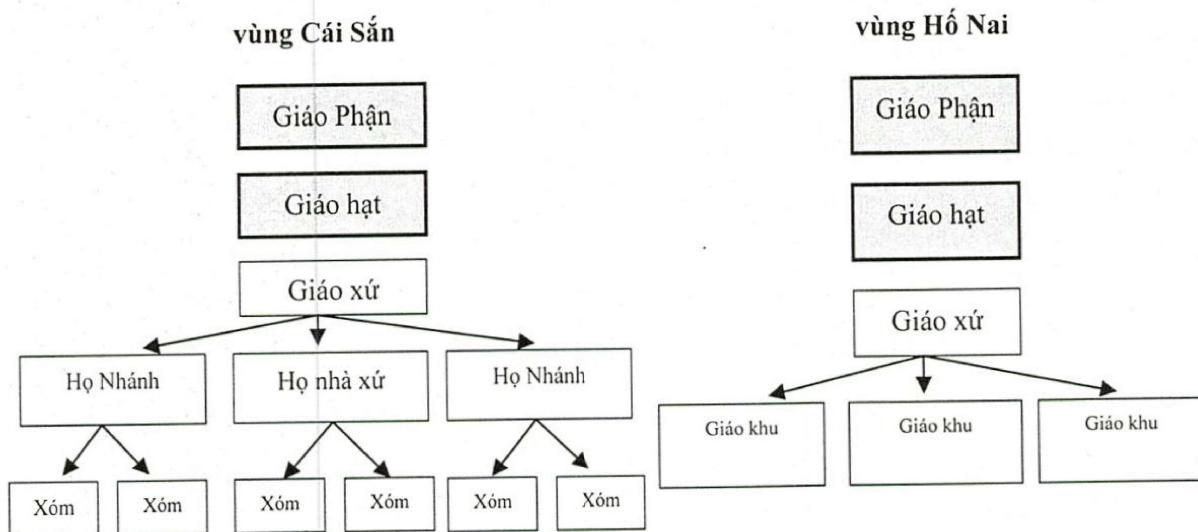
Ở khía cạnh cơ cấu tổ chức giáo xứ theo giáo hội Công giáo Việt Nam thì giáo xứ được xem là đơn vị cơ sở, cấp thấp nhất có tư cách pháp nhân của tổ chức giáo hội Công Giáo. Nó có vai trò rất quan trọng: là nơi trực tiếp cai quản giáo dân, noi thực hiện các chủ trương của Giáo hội. Theo qui chế "Hội đồng giáo xứ" của Tòa giám mục Long Xuyên, xuất bản năm 1971, lời mở đầu có ghi: "*Trong hiện tình, địa phận Long Xuyên gồm nhiều giáo hạt, mỗi giáo hạt gồm nhiều giáo xứ, mỗi giáo xứ gồm nhiều họ, mỗi họ có thể chia ra làm nhiều khu. Họ có linh mục ở thường xuyên gọi là họ chánh, các họ khác gọi là họ nhánh, đặt dưới quyền lãnh đạo của cùng một linh mục chính xứ như một đại gia đình*"³. Với cách thức tổ chức như vậy, vùng Cái Sắn đã tạo dựng các giáo xứ gần với mô hình các giáo xứ ở miền Bắc trước năm 1954 hơn vùng Hồ Nai. Nghĩa là dưới cấp giáo xứ, có các giáo họ và mỗi giáo họ đều có các thiết chế như nhà thờ, nhà xứ riêng và thông thường có một linh mục phó xứ phụ trách họ nhánh. Khi số lượng Giáo dân đông lên thì họ nhánh có thể hình thành giáo xứ riêng, độc lập với họ nhà xứ. Trong khi đó tại khu vực Hồ Nai, do mật độ dân số đông, đất đai hạn hẹp, mỗi giáo xứ được chia ra thành nhiều giáo khu,

chứ không có các họ nhánh như ở khu vực Cái Sắn (xem sơ đồ 1).

Lý giải cho vấn đề này có lẽ xuất phát từ không gian định cư của hai cộng đồng. Nếu như giai đoạn đầu vào năm 1954, hàng đoàn giáo dân đổ về Hồ Nai với số lượng khá đông, người giáo dân đã thiết lập các giáo xứ theo mô hình làng xã truyền thống, cư trú theo hình "ốc đảo", các hộ dân cư trú khép kín xung quanh nhà thờ. Trong khi đó, đến năm 1956 chính quyền Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) bố trí một lượng lớn giáo dân từ Biên Hòa, Sài Gòn về định cư tại khu vực Dinh Đìền Cái Sắn rộng lớn, dân chúng được bố trí cư trú phân tán dọc theo các kênh, rạch. Chính điều kiện đất đai rộng lớn, cư trú phân tán, cộng với chính sách giáo phận Long Xuyên khi thành lập vào những năm 60 của thế kỷ trước đã chủ trương thành lập các giáo xứ, các giáo họ nhánh với đầy đủ thiết chế như nhà thờ, nhà xứ tương đối hoàn chỉnh. Chính cách thức này tạo điều kiện hình thành các giáo xứ mới cho các giai đoạn tiếp sau này. Điều này tương tự như các giáo xứ gốc miền Bắc, một giáo xứ nằm trên địa bàn địa lý rộng, với nhiều họ nhánh (hay còn gọi là họ lè) và khi số giáo dân tăng, đủ điều kiện thành lập một giáo xứ thì tách thành giáo xứ riêng.

³ Qui chế "Hội đồng giáo xứ" của Tòa giám mục Long Xuyên, xuất bản năm 1971

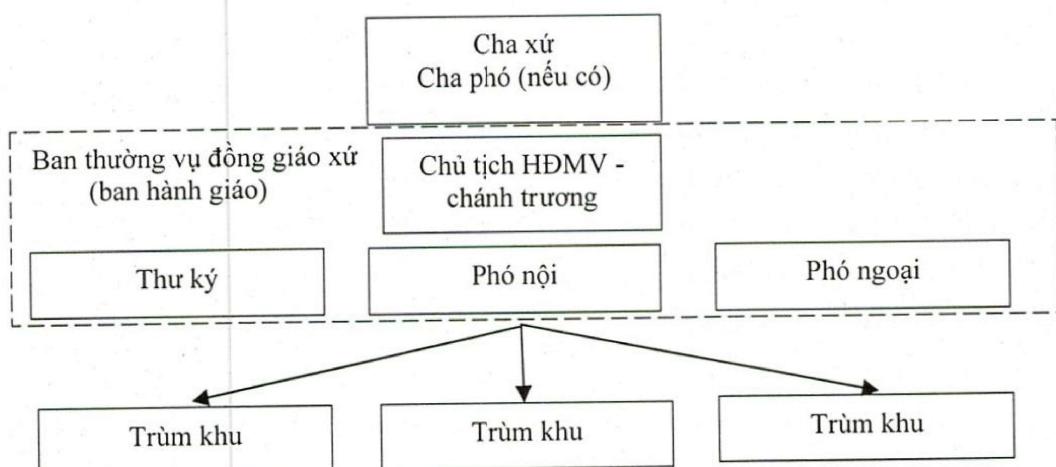
Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức theo giáo xứ của người Công giáo di cư



Tuy nhiên, do điều kiện cư trú dẫn đến sự khác biệt về cách thức tổ chức cộng đồng như trên đã nói, cho nên cơ cấu tổ chức hội đồng giáo xứ ở khu vực Hồ Nai với khu vực Cái Sản hiện nay có sự khác biệt tương đối. Cơ cấu Hội đồng giáo xứ ở khu vực Hồ Nai thường bao gồm một chánh trương (chủ tịch) phụ trách

công việc chung, một phó nội phụ trách các công việc phụng vụ, quản trị thiết bị của nhà thờ; một phó ngoại phụ trách các công việc ngoại giao với các giáo xứ khác hoặc với chính quyền địa phương khi có yêu cầu và một thư ký và một thủ quỹ, có những nơi thư ký, kiêm thủ quỹ.

Sơ đồ 2. Cơ cấu tổ chức Hội đồng giáo xứ phổ biến tại các giáo xứ vùng Hồ Nai



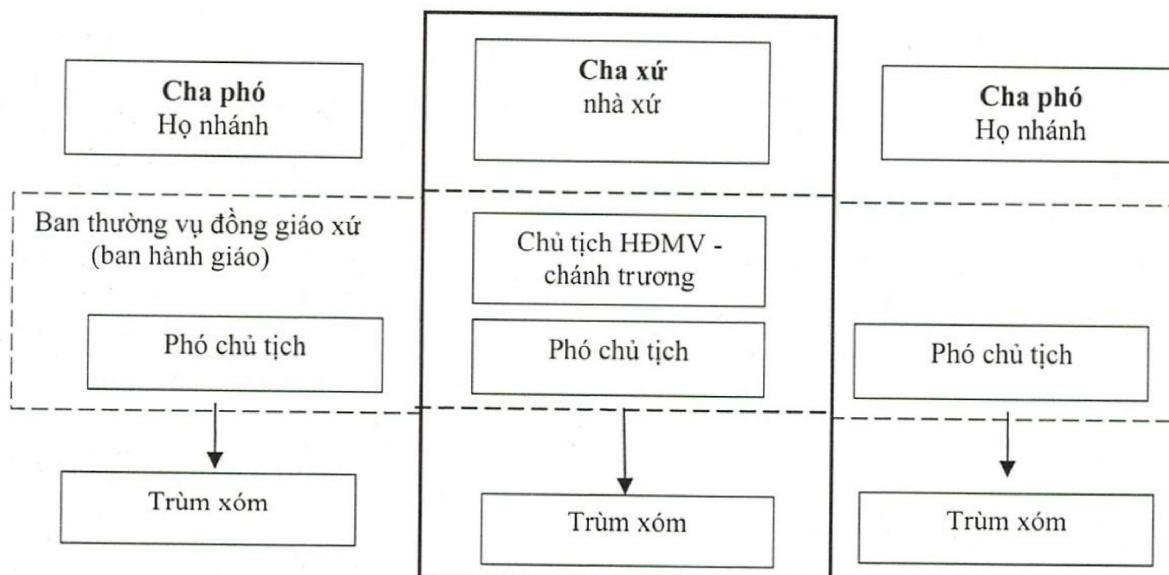
Trong khi đó, cơ cấu tổ chức Hội đồng mục vụ các giáo xứ thuộc khu vực Cái Sản lại được tổ chức theo mô hình phân quyền. Họ nhà xứ có một chủ tịch, một phó chủ tịch Hội đồng

Mục vụ, các họ nhánh đều có thêm một phó chủ tịch, phụ trách chung công việc của giáo họ. Tuy nhiên, chúng tôi quan sát thấy cũng có một vài trường hợp ở Cái Sản, đặc biệt là các

giáo xứ mới thành lập sau này, trên cơ sở tách ra từ họ nhánh thì có cơ cấu tổ chức tương đối giống với các giáo xứ tại khu vực Hố Nai. Nghĩa là các giáo họ (họ nhánh) không còn nữa mà thay vào đó là các giáo khu, cơ cấu Hội đồng mục vụ tập trung, không phân quyền ra

các giáo khu. Như vậy, có thể thấy xu hướng phát triển các giáo xứ ở khu vực Cái Sắn theo hướng cơ cấu tổ chức nhân sự Hội đồng Mục vụ sẽ giống khu vực Hố Nai, cũng như các vùng đô thị lân cận.

Sơ đồ 3. Cơ cấu tổ chức Hội đồng Mục vụ (HDMV) phổ biến tại các giáo xứ vùng Cái Sắn



Về chức năng và nhiệm vụ của các thành viên trong Ban hành giáo ở cả hai khu vực Hố Nai và Cái Sắn tương đối giống nhau. Mỗi thành viên đảm nhận một công việc khác nhau, mang tính chất đặc trưng như: chánh trương đảm nhận công việc chung, phó nội phụ trách phụng vụ thánh lễ, các giờ kinh trong nhà thờ, ngoài ra còn quản lý thêm hệ thống âm thanh, ánh sáng của nhà thờ; phó ngoại chịu trách nhiệm ngoại giao với các giáo xứ khác, tôn giáo bạn và chính quyền; hai chức vụ còn lại là thư ký (những công việc liên quan đến sổ sách) và thủ quỹ. Tùy vào đặc trưng của giáo xứ mà

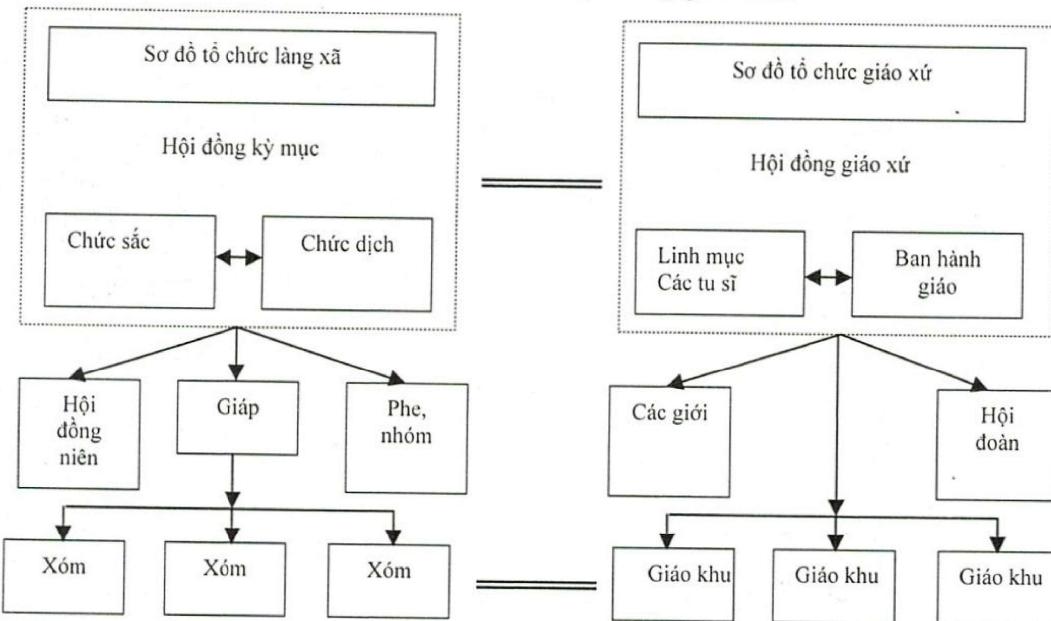
mỗi thành viên trong Ban hành giáo được phân công thêm một số công việc đặc trách khác, chẳng hạn như: ở giáo xứ Ngọc Thạch, Cái Sắn có nhà máy sản xuất nước sạch đóng chai, nên ông phó ngoại được giao thêm một công việc là chịu trách nhiệm coi sóc nhà máy sản xuất nước. Ở mỗi vùng có một cách gọi khác nhau, mặc dù trên "giấy tờ" thì "chánh trương" được gọi là "chủ tịch" nhưng trong giao tiếp hàng ngày, người ta vẫn quen gọi là "chánh trương", "ông trùm"...

Có thể thấy, quá trình định cư tại vùng đất mới, người ta đã phải chọn lựa những yếu tố cốt lõi nhất để giữ, yếu tố nào không phù hợp thì loại bỏ hoặc hòa vào các yếu tố Công giáo để tồn tại. Cơ cấu tổ chức Hội đồng giáo xứ có sự mô phỏng theo cơ cấu làng xã truyền thống của người Việt là Hội đồng kỳ mục, cùng với các nhóm, phe, hội được vận hành trong các nhóm hội đoàn Công giáo như: các giới, hội đoàn ... Mô hình hoạt động các giáo xứ được vận hành theo mô hình tự quản cộng đồng bao gồm: Ban thường vụ giáo xứ hay còn gọi là ban hành giáo, ban điều hành các giáo khu, ban trị sự các giới. Hội đồng giáo xứ được giáo dân trong giáo xứ bầu dân chủ bằng phiếu kín với nhiệm kỳ bốn năm một lần. Thông thường, để được bầu vào ban hành giáo, người đó phải có đức độ, uy tín, có nhiều đóng góp với giáo xứ, phải là dân cộng đồng cũ (chính cư) và tương đối lớn tuổi. Những người được bầu vào hội đồng giáo xứ được xem là những người có danh giá trong cộng đồng nên một số nơi trong khu vực Hố Nai, Cái Sản khi đến đợt bầu cử cũng có những đợt vận động bầu cử nhất định. Chính vì vậy, mỗi lần diễn ra các đợt bầu cử

hội đồng giáo xứ, dư luận trong giáo dân rất được quan tâm. Đặc điểm này không khác với các cộng đồng truyền thống Bắc bộ bao nhiêu. “*Điều quan trọng là người nông dân rất thích trở thành chức sắc; họ có thể đạt được bằng sự chấp nhận của các vị kỳ mục hay do dân cử, nghĩa là bằng thủ đoạn; và họ chỉ đạt được khi lớn tuổi*” (Pierre Gourou, 2003: 249).

Thực tế tính sáng tạo trong việc vay mượn những thiết chế làng xã cổ truyền vào mô hình tổ chức giáo xứ xuất phát từ các nhà truyền giáo phương Tây với chiến lược thích nghi với phong tục tập quán người Việt khi thiết lập các thiết chế cộng đồng trong họ đạo, giáo xứ. Hiện nay, tổ chức tự quản những người giáo dân tại các xứ đạo hầu hết đều được gọi là *Hội đồng giáo xứ* hay *Hội đồng Mục vụ*, do ảnh hưởng của điều 536 trong bộ giáo luật, năm 1983. Tuy nhiên, hội đồng này đã có rất nhiều tên gọi khác nhau gắn liền với lịch sử truyền giáo tại Việt Nam, tùy từng miền: Ban chức việc, Ban trùm họ, Ban quói chúc, Hội đồng Giáo xứ... Đây chính là một điểm đặc biệt trong Giáo hội Việt Nam.

**Sơ đồ 4. Cơ cấu tổ chức hành chính, tự trị làng xã truyền thống
và sơ đồ tổ chức các xứ đạo Công giáo di cư**



Như vậy, quá trình di cư vào Nam năm 1954 đã tạo điều kiện cho nhóm cư dân này tái hiện toàn bộ kết cấu cộng đồng làng xã theo mô hình Bắc bộ với những điều kiện mà không phải cuộc di cư nào cũng có. Chẳng hạn như: di cư cả dòng họ, cả cộng đồng; đến vùng đất vẫn còn hoang sơ, ít người sinh sống; việc định cư và xây dựng giáo xứ được phó mặc cho các linh mục quản xứ mà những linh mục này cũng là những người gốc Bắc bộ và là những người dẫn đầu các cuộc di cư vào Nam bộ. Cho nên, khi vào vùng đất mới, nhóm người này không bị ảnh hưởng nhiều bởi cư dân tại chỗ mà họ tới tụ cư, lập làng, lập xã theo những đặc trưng văn hóa của mình mang theo từ đất quê nhà. Và đặc biệt, chính quyền từ trước đến nay cũng căn cứ vào các đơn vị cộng đồng làng xã này mà thiết lập đơn vị hành chính như xã, ấp. Tuy nhiên, đối với cộng đồng Công giáo, dù chịu sự

quản lý trực tiếp bởi hệ thống chính quyền địa phương, nhưng họ vẫn duy trì một hệ thống tổ chức xã hội riêng, độc lập với các tổ chức chính thức do nhà nước lập nên. Họ có tôn chỉ mục đích riêng, có cơ chế vận hành riêng và đáp ứng một nhu cầu xã hội riêng trong đời sống cộng đồng, trong đó, bộ máy điều hành được dân chúng bầu nên để vận hành đời sống xã hội của cộng đồng như: Hội đồng giáo xứ, các giới, hội đoàn Công giáo...

3. HỘI ĐỒNG GIÁO XỨ, GIỚI TINH HOA CỦA CỘNG ĐỒNG

Hội đồng giáo xứ tại các xứ đạo vùng Công giáo được xem là giới tinh hoa của cộng đồng. Bởi đây là nhóm người được dân chúng bầu chọn để điều hành mọi hoạt động của giáo xứ. Đây cũng là một hình thức tổ chức của giáo dân đã có lịch sử lâu đời, được hình thành và

phát triển trong quá trình hình thành và phát triển đạo Công giáo tại Việt Nam. Mặc dù không nằm trong hệ thống hành chính của giáo hội Công giáo, nhưng lại là tổ chức có vai trò quan trọng đối với các tín đồ Công giáo Việt Nam trong việc giữ đạo, sống đạo và phát triển đạo, nhất là giáo hội Công giáo chủ trương đề cao vai trò của giáo dân vào các hoạt động tông đồ giáo dân.

Khi tìm hiểu các cuộc bầu cử hội đồng giáo xứ tại các điểm nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy các cuộc bầu cử diễn ra rất chặt chẽ. Vòng một tại các giáo khu, các tín đồ đề cử và bầu làm người đại diện cho giáo khu của mình vào vòng hai cấp giáo xứ. Sau đó, giáo xứ công bố tên các ứng viên công khai niêm yết danh sách tại nhà thờ. Tiếp đến, vào ngày lễ Chủ nhật được mọi người thống nhất, người ta phát phiếu bầu cho tất cả mọi người từ giới trẻ trở lên trực tiếp bầu ra Hội đồng giáo xứ. Nhưng thông thường vị trí *chánh truong* hay *chủ tịch*⁴ bao giờ cũng được Hội đồng giáo xứ đương nhiệm nhắm tới trước, thường là những người đức độ và có điều kiện tài chính trong giáo xứ. Tiêu chuẩn để được bầu vào Hội đồng giáo xứ là cá nhân đó phải có đời sống đạo đức, sôt sắng, điều kiện kinh tế tương đối khá giả để có thể dành nhiều thời gian cho công việc của giáo xứ, và một điều đặc biệt quan trọng nữa là cá nhân đó phải từng là thành viên trong ban điều hành giáo khu. Nếu không từng là thành viên trong các giáo khu thì không được bầu vào Hội

đồng mục vụ, vì một người đứng vào hàng ngũ của Hội đồng mục vụ thì phải có uy tín và kinh nghiệm làm việc. Cách thức bầu cử thông thường nhất là để tất cả giáo dân bầu chọn ra số người đạt được số phiếu cao nhất (thuộc ban hành giáo xứ). Qua tìm hiểu các chức sắc trong hội đồng giáo xứ tại khu vực Cái Sắn, chúng tôi được biết cách đây hơn 10 năm, người ta thường có xu hướng bầu cho người lớn tuổi vào những vị trí quan trọng trong Hội đồng giáo xứ, nếu như người lớn tuổi không được bầu vào vị trí cao nhất thì người trẻ hơn ở vị trí cao nhất đó có thể nhường cho người lớn tuổi.

Cũng theo các vị chức sắc này, bây giờ chuyện “kính lão đắc thọ” ấy không còn nữa, hễ ai có phiếu cao nhất vị trí nào thì làm vị trí đó. Chức vị chánh truong thường được bầu chọn theo hình thức “tự bầu cử” trong nội bộ – tức là những người được bầu cử vào Ban hành giáo xứ sau khi có danh sách chính thức, thì những thành viên này thường họp lại với nhau để bầu cử ra chánh truong, phó truong, thư ký và thủ quỹ (buổi họp này có sự hiện diện của Ban hành giáo cũ nhưng chỉ là mang tính chất tham khảo. Thông thường, người ta dựa vào ưu điểm của mỗi người để “đặt” vào những vị trí thích hợp trong hội đồng giáo xứ.

Như vậy, có thể thấy việc bầu chọn các giáo dân vào Ban hành giáo là một việc làm rất quan trọng, đòi hỏi nhiều yếu tố khác nhau. Chính vì thế, những người được bầu vào Ban hành giáo có thể được xem như là những người “ưu tú” trong cộng đồng giáo xứ đó. Mỗi người được đảm nhận những chức vụ dựa trên sự xem xét chức vụ đó là hợp lý đối với họ, đặc biệt là

⁴ Ở Lai Ôn vị trưởng Ban Hành Giáo người ta gọi là Chánh truong nhưng ở Ngô Xá thời gian gần đây người ta gọi Chủ Tịch.

biết sử dụng đúng những lợi điểm của cá nhân để phát huy hiệu quả công việc. Việc biết kết hợp linh hoạt, hài hòa giữa yếu tố “đạo” và “đời” một cách khéo léo, cụ thể bằng việc trọng dụng những người giáo dân có uy tín với chính quyền vào các vị trí trong Ban hành giáo đã giúp phát huy hiệu quả công việc của giáo xứ. Sự ứng xử khéo léo này cũng thường thấy ở Hồ Nai, cũng như ở Cái Sắn, mặc dù tiêu chuẩn này không ai nói ra, nhưng dường như mọi người tự quy ước và tự hiểu với nhau “sự kết hợp như vậy thì sẽ phát huy hiệu quả rất cao”.

Trong khi đó, phần đông cá nhân cho rằng họ tham gia vào Hội đồng mục vụ vì họ muốn “làm việc tông đồ”, “trà công cho Chúa”. Khi tìm hiểu về lý do tham gia Hội đồng mục vụ, chúng tôi nhận thấy có nhiều lý do khác nhau nhưng tựu chung lại là hướng đến những giá trị tâm linh. Họ làm việc với tinh thần hy sinh, phục vụ mọi người. Chính vì xuất phát từ ý thức hy sinh việc cá nhân để phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng, nên những cá nhân này thường được cộng đồng giáo dân coi trọng và đề cao. Mặt khác, chính những cá nhân làm việc trong Hội đồng mục vụ cũng nhận thấy rằng, mặc dù họ hy sinh công việc của gia đình để làm công việc chung nhưng công việc riêng của họ vẫn rất thuận lợi thậm chí là còn suôn sẻ hơn cả lúc họ chưa đảm nhận chức vụ trong Hội đồng mục vụ.

Chính vì những điều đó, tạo động lực, thúc đẩy họ hy sinh làm việc cho Chúa, đúng với trách nhiệm và bỗn phận của một con chiên. Họ thường là tâm điểm sự chú ý của người khác do đó, nếu họ có phẩm hạnh, làm việc tốt

thì luôn được xem là “tấm gương” cho tất cả cộng đồng và việc được mọi người trong cộng đồng tin yêu, kính mến là điều tất nhiên. Những người nằm trong Ban hành giáo thường được ưu ái gọi bằng chính chức danh họ đang đảm nhận, ví dụ như: ông chánh ... hay ông phó chánh Hoặc theo như một linh mục ở khu vực Cái Sắn cho chúng tôi biết “khi viết thiệp mời đám cưới, đám tiệc hay một liên hoan nào đó thì người gửi phải đề rõ chức vụ của người được gửi, ví dụ như: kính gửi ông bà Chánh. Chứ không thể để những hàng chữ trộc lóc “kinh gửi ông bà”, người ta muốn có sự phân biệt về trật tự, thứ bậc trong đó”

Đặc biệt, trong cơ cấu Hội đồng giáo xứ chủ yếu là nam giới, cơ hội cho nữ giới được tham gia vào các chức vị cao quý của giáo xứ ít hơn so với nam giới. Điều này xét góc độ về bình đẳng giới thì có vẻ như đây là mô hình tập trung quyền lực vào những người đàn ông trong cộng đồng.

Từ trước đến giờ thì chưa bao giờ có trường hợp phụ nữ làm Chủ tịch hội đồng mục vụ, hay là có danh hiệu “bà trùm” (nếu có thì cũng chỉ là người ta gọi theo chức danh của ông chồng thôi). Tất cả những công việc đó đều do người đàn ông đảm trách. Nếu nói về mong muốn thì chắc hẳn ai cũng mong muốn mình được làm những công việc đó, cũng muốn mình được nằm trong một tổ chức lãnh đạo. Nhưng cái tư tưởng, cái truyền thống đặc biệt là những người gốc Bắc ở đây đã quá ăn sâu vào người phụ nữ, khiến cho họ dù muốn cũng không dám bứt phá để đứng lên. Tôi đi công tác rất nhiều, cũng tiếp xúc với nhiều người dân nữa, và cô biết có những người rất giỏi, thậm chí giỏi hơn đàn ông rất nhiều,

nhưng họ vẫn không thể đứng lên lãnh đạo được, đó là một thiệt thòi cho phụ nữ”.

Bà Ánh, 49 tuổi, cán bộ cấp xã, vùng Cái Sản, nhặt
ký điền dã ngày 26/6/2009

Vị trí của người phụ nữ trong các tổ chức đoàn thể Công giáo so với vị trí của người phụ nữ trong các tổ chức chính quyền có sự khác biệt rất lớn. Người phụ nữ Công giáo thì chỉ có thể làm bà quản, nhưng người phụ nữ ngoài xã hội thì có thể là người đứng đầu trong cơ quan Nhà nước. Vị trí của người phụ nữ trong Công giáo vẫn còn bị hạn chế rất nhiều so với ngoài xã hội.

Tóm lại, mô hình tổ chức các giáo xứ Công giáo của người Bắc di cư là mô hình tập trung quyền lực gia trưởng, và những cá nhân thuộc Hội đồng mục vụ là những người được giáo dân trong cộng đồng vị nể, mến mộ với vai trò được cộng đồng bầu chọn, vì thế những cá nhân này phải sự hy sinh “cái riêng” để phục vụ cho “cái chung”, họ là những người đại diện cho người khác để làm việc cho cộng đồng.

4. CÁC GIỚI, HỘI ĐOÀN CÔNG GIÁO

Theo Max Weber, việc tham gia các hội đoàn như là “những nấc thang thăng tiến xã hội” (Max Weber 2008: 341) và ông cũng đưa ra sự khác biệt trong sự tham gia các hội đoàn tôn giáo giữa truyền thống của người Đức và người Mỹ. Nếu như người Đức tham gia các hội đoàn “chỉ thuận tiện theo phong tục, chỉ nhằm tới hợp thức cá nhân và xã hội của họ” (Max Weber 2008: 341). Trong khi đó, quan niệm ở Mỹ “Việc được gia nhập các câu lạc bộ nói trên tương đương với việc có được chiếc vé

trong xã hội và trước hết chứng nhận, trước diễn đàn về phẩm cách cá nhân, “là đã chứng minh được phẩm cách của mình” (Max Weber, 2008: 343).

Trong quá trình sinh sống và quan sát trong cộng đồng tại Hồ Nai, chúng tôi cũng nhận thấy việc tham gia các giới, hội đoàn trong các giáo xứ Công giáo ở Việt Nam một khía cạnh nào đó cũng thể hiện lòng mộ đạo và tư cách đạo đức của người tham gia. Một thành viên trong một giáo xứ không tham gia bất kỳ hội đoàn nào sẽ không nhận được sự tôn trọng như những người tham gia nhiều hội đoàn của giáo xứ như: ca đoàn, giáo lý viên...

Trong tất cả các cộng đồng Việt truyền thống, vẫn đề cơ bản trong đời sống chính trị của cộng đồng và cũng là mối quan tâm của người dân trong làng là việc sắp xếp ngôi thứ trong cộng đồng. Bên cạnh đó, trong nội bộ các cộng đồng còn chia thành nhiều nhóm người theo từng ngôi thứ, vị thế trong cộng đồng của mình mà theo Pierre Gourou : “Nét đáng chú ý nhất trong đời sống xã hội của làng Bắc kỳ là xu hướng của người nông dân muốn họp thành phe, nhóm. Ta đã thấy những tổ chức đó ở Thôn, Xóm, Giáp. Nhưng còn các tổ chức khác nữa. Tất cả các nhóm đó đều tham gia tích cực ít nhiều vào các lễ hội của làng và tất nhiên chúng có hội hè riêng, nghĩa là cố bàn riêng” (Pierre Gourou, 2003: 252). Các cộng đồng Công giáo di cư ngày nay cũng vẫn còn những nét đặc trưng của cộng đồng Bắc bộ. Trong nội bộ các giáo xứ cũng chia thành các nhóm khác nhau theo các tiêu chí theo giới, tuổi tác hoặc hội đoàn để mỗi người dân trong giáo xứ tham

gia vào các tổ chức đặc trưng, phù hợp với mình. Chẳng hạn như các giới từ Bô lão đến gia trưởng, giới trẻ, thiếu nhi. Mỗi giới đều có thánh *Quan thầy* riêng và có ngày kính các thánh quan thầy của giới mình để tổ chức rước sách, hội họp và liên hoan theo kiểu “cỗ bàn riêng”.

Trong quá trình tìm hiểu hoạt động của từng giới trong các giáo xứ, chúng tôi nhận thấy, tùy vào mỗi giáo xứ mà phân công cho các giới khác nhau, nhưng vẫn có những công việc chung, đặc trưng dành cho mỗi giới là giống nhau ở hầu hết các giáo xứ.

- **Giới Cao niên:** Tại các giáo xứ Công giáo di cư, người ta quan niệm người nào bước vào tuổi 60 được xem là các “cụ Bô”. Thông thường các cụ bô lão là những người có tiếng nói uy tín trong giáo xứ và tham gia bàn bạc các việc chung của giáo xứ. Giới bô lão cũng có ban điều hành để tự điều hành các công việc của giới và có ngày lễ thánh quan thầy riêng. Có một đặc điểm chung của giới bô lão tại đây, tuy đã bước vào tuổi lão nhưng các cụ ông vẫn cho mình thuộc giới gia trưởng, cho dù tuổi già sức yếu nhưng vẫn “mong muôn” mình vẫn giữ vai trò chủ gia đình. Dù rằng những “mong muôn” này cũng vấp phải sự phản ứng của những người nhỏ tuổi hơn trong giới gia trưởng. Vì nhu thế những người trẻ tuổi hơn sẽ gặp khó khăn trong việc điều hành giới của mình.

Chính vì thế, có những trường hợp những người lớn tuổi tham gia hai giới trong giáo xứ là giới gia trưởng và giới bô lão. Xét cho cùng những “mong muôn” của những bô lão cũng

nhắm đến sự duy trì quyền lực, địa vị cá nhân bản thân đối với gia đình và cộng đồng. Chính vì vậy, giới bô lão dù đã bước sang địa vị mới nhưng vẫn duy trì vị thế của mình ở giới các ông bố và bà mẹ Công giáo.

- **Giới Gia trưởng:** tiền thân của giới này là *Hội Liên Minh Thánh tâm*. Đây là tổ chức dành cho nam giới, thành lập năm 1883. Ở Việt Nam, Hội Liên minh Thánh tâm được thành lập năm 1950. Đây là một đoàn thể Công giáo được giáo hội Công giáo Rôma đánh giá là xuất sắc của phong trào Công giáo tiến hành. Nó có tổ chức chặt chẽ, rộng khắp ở các xứ đạo công giáo. Sau năm 1975, các hội đoàn này không được nhà nước khuyến khích hoạt động, giáo hội Công giáo Việt Nam đã có chiến lược thích nghi với tình hình mới trong việc chuyển tên gọi Hội Liên Minh Thánh tâm thành *giới gia trưởng*.

Theo quan sát của chúng tôi và các cộng sự viên tại Hồ Nai và Cái Sắn, giới gia trưởng các giáo xứ thường chọn ngày 1/5 lễ thánh Giuse lao động làm lễ mừng kính thánh quan thầy của giới mình. Chọn thánh Giuse lao động là vì ý nói tới vai trò làm chủ gia đình của thánh Giuse ngày xưa là cha nuôi Đức Chúa Giêsu. Họ xem đó như là mẫu hình lý tưởng của giới mình. Người cha phải vất vả lao động để nuôi sống gia đình và làm gương sáng dạy dỗ con cái. Ngoài các công việc của giới thì giới gia trưởng cũng tham gia công việc của giáo xứ như chia người canh giữ các trang thiết bị của nhà thờ vào ban đêm, tổ chức các lễ hội rước sách của giáo xứ như mùa giáng sinh thì làm hang đá, mùa phục sinh thì tổ chức *ngắm*

dầu đanh⁵, rước Chúa chịu nạn, làm hang đá nhà mồ... Đặc biệt giới gia trưởng là thành phần chủ lực tham gia hội đồng giáo xứ. Chính vì thế, những người nam giới khi lập gia đình xong thì đương nhiên được xếp vào giới gia trưởng. Những người khác cho dù lớn tuổi nhưng chưa lập gia đình thì vẫn không được xem là giới gia trưởng.

Về tổ chức và cách thức hoạt động, giới này hoạt động theo nguyên tắc và tôn chỉ riêng nhưng vẫn nằm trong khuôn khổ của giáo xứ, giáo hạt và giáo phận, nghĩa là giới này có mạng lưới hoạt động không chỉ trong nội bộ giáo xứ mà có giáo xứ liên kết với những người cùng giới ở các xứ đạo khác.

- **Giới hiền mẫu:** Tương tự giới gia trưởng, giới hiền mẫu cũng không phân chia theo tuổi tác mà ý nói đến giới của các bà mẹ, một số nơi gọi hẳn là giới các bà mẹ. Như vậy, giới hiền mẫu là tập hợp những người phụ nữ đã lập gia đình và sinh con. Việc những người phụ nữ đã lập gia đình tham gia giới này được xem là sự phân định địa vị xã hội so với những người chưa lập gia đình, cho dù lớn tuổi. Sự thay đổi thân phận vị thế xã hội trong cộng đồng đối với những người phụ nữ lớn tuổi, chưa chồng là một áp lực rất lớn. Một vài trường hợp phụ nữ lớn tuổi ở vùng Cái Sắn mà chúng tôi tiếp xúc phải lựa chọn phương cách

nhận con nuôi để cộng đồng xác nhận cá nhân này vào giới hiền mẫu, nhưng thông thường họ nhận những đứa trẻ là con cháu trong dòng tộc. Theo họ, với vai trò làm mẹ, người phụ nữ phải nêu gương sáng là người mẹ hiền để giáo dục con cái. Giới hiền mẫu cũng có ban điều hành và có thánh quan thầy; cũng tổ chức mừng kính thánh quan thầy của giới mình rất long trọng. Thông thường giới hiền mẫu ở Hố Nai hay chọn bà thánh Monica là mẹ ông thánh Augustino. Vì bà thánh này suốt cuộc đời cầu nguyện, sống gương mẫu để con trai nên thánh.

- **Giới Trẻ:** Trong khi đó nhóm những người trẻ tuổi, chưa lập gia đình thì được gọi chung là giới trẻ. Họ được xem là nhóm người bắt đầu bước vào tuổi trưởng thành nhưng chưa được xem là người trưởng thành một cách đầy đủ đối với cộng đồng (vì chưa lập gia đình, sinh con). Chính vì vậy, giới trẻ phải tham gia học các lớp giáo lý hôn nhân được tổ chức chuyên sâu về gia đình, vai trò làm cha, làm mẹ và cả các lớp chuyên đề về sức khoẻ sinh sản theo chuẩn mực của người Công giáo. Đặc biệt, các lớp chuyên đề này nhấn mạnh đến yếu tố nghiêm cấm phá thai; hướng dẫn phòng tránh thai theo phương pháp tự nhiên. Đây cũng là lực lượng chính tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ cho giáo xứ mỗi khi có hội hè. Họ cũng tham gia hội giáo lý viên của giáo xứ để dạy giáo lý cho thiếu nhi. Bên cạnh đó, họ còn tham gia các hoạt động từ thiện của giáo xứ hoặc tham gia các buổi chỉnh trang đường sá trong giáo xứ. Giới trẻ cũng có ban điều hành theo từng giáo khu, giáo xứ và cũng không thể thiếu thánh quan thầy. Ngày lễ kính thánh quan

⁵ Dạng thức hát ngâm diễn tả 15 sự thương khó của Chúa Jesu. Người ngắm mặc áo tang, được trống phách rước lên. Trong khi ngắm, được một người lớn tuổi cầm trịch thường bằng những “lèo” mèn, trống từ loại nhỏ đến loại lớn, lần lượt đánh nối theo nhau, thành một chuỗi âm thanh liên tiếp.

thầy cũng được tổ chức rước sách linh đình và có cỗ bàn riêng trong ngày mừng

- **Giới thiếu nhi:** Thiếu nhi là giới có độ tuổi thấp nhất. Giới này bao gồm các em nhỏ từ 6 tuổi đến 16 tuổi. Tiền thân của giới này là Hội thiếu nhi Thánh thể được thành lập ở Pháp năm 1917, truyền sang Việt Nam năm 1929. Tổ chức này có mục đích “đào luyện người thiếu nhi trở thành những con người có nhân phẩm và thành người giáo hữu đạo đức, biết làm việc tông đồ”. Đây là Hội đoàn phổ biến nhất của lứa tuổi thiếu nhi, trước 30/4/1975 xứ đạo nào cũng có tổ chức này hoạt động. Nó có hệ thống tổ chức chặt chẽ, hoạt động mạnh, thu hút đông đảo thiếu nhi Công giáo, được Giáo hội công giáo đặc biệt quan tâm lãnh đạo và phát triển.

Các em trong giới này được chia thành ba nhóm nhỏ theo độ tuổi: nhóm một bao gồm các em tuổi từ sáu đến 10 tuổi, các em bắt buộc tham gia chương trình giáo lý “Đến bàn tiệc thánh” để được *Rước lễ lần đầu*. Nhóm thứ hai bao gồm các em từ 11 đến 13 tuổi, phải tham gia chương trình giáo lý “Lớn lên trong Chúa thánh thần” để được chịu phép *Bí tích thêm sức* và tìm hiểu về phụng vụ lời Chúa. Nhóm thứ ba bao gồm các em tuổi từ 14 đến 16 tuổi, học chương trình giáo lý “sóng đạo”. Các em này được các giáo lý viên hướng dẫn học giáo lý và tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ hoặc vui chơi dã ngoại. Như thế, những đứa trẻ trong cộng đồng phải học các cách thức, nền nếp sinh hoạt của giáo xứ. Chính quá trình này là quá trình định chuẩn nhân cách của những đứa trẻ người Công giáo với cách thức hành xử khác với người không tôn giáo hoặc tôn giáo khác.

Ngoài ra còn có hội *Legio Marie – Đạo binh Đức Mẹ* hay còn gọi là câu nguyện con đức Mẹ; Hội dòng Ba Đa Minh cũng là dạng hội dòng câu nguyện nhưng chủ yếu của giới bô lão tham gia câu nguyện, tĩnh tâm mỗi ngày. Hội kè liệt, còn gọi là hội chăm sóc bệnh nhân. Bên cạnh đó, tùy theo mỗi giáo xứ mà có thêm các hội đoàn khác như: hội kèn đồng, hội an táng...

Như vậy, mỗi thành viên trong giáo xứ đều phải tham gia ít nhất là một tổ chức xã hội dù họ muốn hay không thì họ cũng nghiêm nhiên trở thành thành viên của một Giới bất kỳ trong giáo xứ, ngoài ra, với sự đa dạng của các hội đoàn, họ còn có thể là thành viên của các hội đoàn khác nếu họ muốn tham gia. Với cách thức tổ chức giáo xứ Công giáo như hiện tại, mỗi người giáo dân phải tham gia ít nhất một đoàn thể hay một hiệp hội của Công giáo trong cộng đồng. Khi trở thành thành viên của tổ chức nào đó, sợi dây liên kết giữa người với người càng chặt chẽ hơn. Đó cũng chính là động lực thúc đẩy tinh thần cộng đồng trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa mà tổ tiên họ đã lưu giữ, truyền lại cho họ đến ngày nay. Chính điều này cho chúng ta thấy yêu tổ tôn giáo giống như chất keo gắn kết các thành viên trong cộng đồng, qua việc tái cấu trúc cộng đồng xã truyền thống nơi vùng đất Nam bộ. Cơ cấu tổ chức các giáo xứ cộng đồng Công giáo di cư là tổ chức, đoàn thể có tính chất Công giáo nhưng thực chất là nó vận hành theo mô hình tự trị của cộng đồng làng xã truyền thống vùng đồng bằng Bắc bộ.

Tóm lại, mô hình tổ chức các cộng đồng Công giáo của người Bắc di cư hiện nay tại Nam bộ là biểu hiện sự thích nghi, vay mượn các đặc trưng văn hóa truyền thống người Việt vào cơ cấu tổ chức tôn giáo của giáo hội Công giáo Việt Nam. Với chiến lược này, các cộng đồng Công giáo di cư đã nhất thể hóa *quyền uy*

Truyền thống (Traditional authority) với *quyền uy Thiên phú* (Charismatic authority) của chức sắc tôn giáo. Điều này đã giúp cho cơ cấu tổ chức giáo xứ có một sức mạnh (power) chi phối hầu như toàn bộ đời sống tinh thần của các người tín đồ.

THE PARTICULAR STRUCTURAL TRAITS OF THE MIGRATION CATHOLIC COMMUNITY IN THE SOUTHERN VIETNAM

(Study of cases of Ho Nai in Dong Nai Province and Cai San in Can Tho City)

Nguyen Duc Loc

University of Social Science of Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: *The Vietnamese Catholic community is not only a religious community but also a traditional village with relationships based on kinship and/or sharing the same residential area, similar economic activities, and religious activities.*

In this essay, we are interested in examining migrating Catholic communities which were shaped and reshaped within the historical context of Viet Nam war in 1954. They were established after the migration of millions of Catholics from Northern to Southern Viet Nam immediately after Geneva Agreement in 1954. Therefore, by examining the particular structural traits of the emigration Catholic Communities we attempt to reconstruct the reproducing process of village structure based on the communities' triple structure: kinship structure, governmental structure and religious organization.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Võ Tự Do, *Công cuộc phát triển cộng đồng tại Hồ Nai*. luận văn tốt nghiệp trường Quốc gia hành chánh, (1974).
- [2]. Trần Hữu Hợp, *Quá trình hình thành và phát triển cộng đồng Công giáo người Việt vùng Cái Sản từ năm 1956 – 1975*, luận

văn cao học, Viện KHXH vùng Nam bộ, (2000).

- [3]. Nguyễn Đức Lộc, *Cộng đồng cư dân Công giáo Hồ Nai – Đồng Nai*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, ngành Nhân học, (2003).
- [4]. Nguyễn Đức Lộc, *Tìm hiểu đời sống văn hóa cộng đồng người Việt Công giáo Hồ*

- Nai – Đồng Nai, Luận văn thạc sỹ, ngành Dân tộc học, (2007).
- [5]. Nguyễn Phú Lợi, "Cơ cấu tổ chức xã hội – Tôn giáo trong một số Làng Thiên Chúa giáo ở Kim Sơn – Ninh Bình nửa sau thế kỷ XIX đến nửa sau thế kỷ XX", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 2 (303)*, (1999).
- [6]. Nguyễn Phú Lợi, "Vài nét về tổ chức xứ, họ đạo Công giáo ở nước ta từ đầu những năm 90 thế kỷ 20 đến nay", Viện Khoa học xã hội Việt Nam, *Một số vấn đề nghiên cứu Công giáo*, PGS.TS Nguyễn Hồng Dương (chủ biên), NXB Tôn giáo – NXb Từ Điển Bách Khoa, trang 41 – 66, (2008).
- [7]. Pierre Gourou, *Người Nông dân châu thổ Bắc kỳ*, NXB Trẻ, (2003).
- [8]. Qui chế "Hội đồng giáo xứ" của Tòa giám mục Long Xuyên, (1971).
- [9]. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Hồ sơ số 4042, Hồ sơ về hoạt động của Phủ Tổng Ủy Di cư tị nạn, (1955)
- [10]. Max Weber, *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản* (*Die protestantische Ethik und der Geist des Kapitalismus*), Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng và Trần Hữu Quang dịch, Hà Nội, NXb Tri thức, 462 trang, (2008).